

Bản án số: 45/2025/DS-PT
Ngày 29 - 9 - 2025
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Hoàng Hải Anh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân; Bà Trần Thị Khánh Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoan – Thư ký viên chính.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái:** Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân khu 6) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phùng Thi O

Địa chỉ: Tổ F, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai (nay là Tổ F, phường L, tỉnh Lào Cai). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Thanh G

Địa chỉ: Tổ F, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Nay là: Tổ F, phường L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Minh D.

Địa chỉ: Số nhà A, đường T, phường L, thành phố L, tỉnh Lào Cai, (nay là số nhà A đường T, phường L, tỉnh Lào Cai).

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, đường H, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai, (nay là số nhà B, đường H, phường C, tỉnh Lào Cai).

Người đại diện theo uỷ quyền của D: Ông Hoàng Minh D1

Địa chỉ: P, Tòa nhà G, số A V, phường Y, Quận C, thành phố Hà Nội (nay là Phường Y, thành phố Hà Nội). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Người kháng cáo:** Bị đơn - Bà Trần Thị H1 và ông Nguyễn Minh D

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn bà Phùng Thi O trình bày: Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 08/4/2016 bà có cho bà H1, ông D vay số tiền 2.390.000.000 đồng, thời hạn một tháng kể từ ngày 08/4/2016 đến 08/5/2016 để làm vốn kinh doanh, lãi suất 2,5%/tháng. Sau khi viết giấy vay tiền bà O đã đưa đủ số tiền cho bà H1, ông D như thoả thuận. Hết thời hạn, mặc dù bà O yêu cầu nhiều lần nhưng ông bà H1, D không trả số tiền vay trên. Đến tháng 12/2023 ông D có trả cho bà 100.000.000 đồng tiền lãi, từ đó đến nay không trả bà khoản tiền nào.

Nay bà [O](#) khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông bà [Huyền D2](#) thanh toán trả cho bà số tiền nợ gốc là 2.390.000.000 đồng, lãi suất trong tháng đầu không tính, từ tháng 8/5/2016 bà yêu cầu ông [D2](#), bà [H1](#) phải thanh toán tiền lãi suất là 0,5%/tháng của số tiền 2.390.000.000 đồng, cụ thể: $2.390.000.000đ \times 0,5\%/tháng \times 104 \text{ tháng} = 1.114.720.000đ$, trừ đi số tiền lãi là 100.000.000đ ông [D2](#) đã trả vào tháng 12/2023, còn lại số tiền nợ lãi là 1.014.720.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 3.404.720.000đ (Ba tỷ, bốn trăm linh bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà [Trần Thị H](#) trình bày: Đầu năm 2014 ông bà [H](#), [D2](#) có vay của bà [Phùng Thị O](#) số tiền 700.000.000đ, với lãi suất là 2.500đ/1 triệu/ngày, đến ngày 15/02/2015 bà [H](#) đã thanh toán cho bà [O](#) số tiền gốc là 700.000.000đ và một số tiền lãi tại nhà bà [O](#), trả bằng tiền mặt chứ không chuyển khoản, nợ lại một phần tiền lãi. Ngày 08/4/2015 vợ chồng bà [O](#) sang nhà yêu cầu ông bà [H](#), [D2](#) ký vay số tiền 2.390.000.000đ, nhưng thực tế vợ chồng chị [H](#) không vay số tiền này.

Bị đơn ông [Nguyễn Mạnh D3](#) trình bày: Năm 2013-2014 vợ chồng ông [D3](#) đã nhiều lần vay tiền của bà [O](#) với tổng số tiền 700.000.000đ, lãi suất 2.500đ/1 triệu/ngày. Tháng 4/2016 bà [O](#) tính lãi số tiền lên đến 2.390.000.000đ, thực tế số tiền này là số tiền lãi của số tiền gốc 700.000.000đ vợ chồng ông [D3](#) vay trước đó. Bà [O](#) nhiều lần gọi điện và đến nhà vợ chồng ông [D3](#) yêu cầu trả tiền, ông [D3](#) đã trả cho bà [O](#) số tiền 100.000.000đ trong số 2.390.000.000đ. Do công việc làm ăn của ông [D3](#) không thuận lợi, không có thu nhập nên ông [D3](#) có nói với bà [O](#) là khi nào có thu nhập ông [D3](#) trả dần. Nay bà [O](#) khởi kiện, ông [D3](#) đề nghị Toà án xem xét khách quan, thấu tình đạt lý.

Tại bản án số: 23/2025/DS-ST ngày 30-6-2025 của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Toà án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lào Cai) quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 465; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà [Trần Thị H](#) và ông [Nguyễn Minh D](#) phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho bà [Phùng Thị O](#) số tiền nợ gốc là 2.390.000.000đ (Hai tỷ, ba trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi là 1.014.720.000đ (Một tỷ, một trăm linh bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 3.404.720.000đ (Ba tỷ, bốn trăm linh bốn triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi xuất chậm thi hành án, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/7/2025 bị đơn ông [Nguyễn Minh D](#) và bà [Trần Thị H](#) kháng cáo toàn bộ bản án số 23/2025/DS-ST ngày 30-6-2025 và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án trên và chuyển hồ sơ cho Toà án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lào Cai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà [Phùng Thị O](#) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông [Nguyễn Minh D](#) và bà [Trần Thị H](#) giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà [Trần Thị H](#), ông [Nguyễn Minh D](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 30-6-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lào Cai).

- Về án phí: Bà [Trần Thị H](#) và ông [Nguyễn Minh D](#) phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

[1.1]. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tiền tạm ứng án phí của bà [Trần Thị H](#) được nộp trong hạn luật định, đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án: “Hợp đồng vay tài sản” là đúng, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Lào Cai).

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn - bà [Phùng Thị O](#); đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà [Trần Thị H](#) và ông [Nguyễn Minh D](#):

Xét thấy bà [H](#), ông [D](#), bà [O](#) ký kết giấy vay tiền với nhau, trong đó ghi số tiền bà [H](#), ông [D](#) vay của bà [O](#) là 2.390.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án bà [H](#), ông [D](#) cho rằng chỉ vay bà [O](#) số tiền gốc là 700.000.000đồng, với lãi suất là 2.500đ/1triệu/1ngày, số tiền 2.390.000.000đ thực chất là tiền lãi còn nợ của khoản nợ gốc sau khi chốt sổ, sau đó ngày 08-4-2016 bắt vợ chồng bà [H](#) ký nhận vào giấy vay số tiền như bà [O](#) đã khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà [H](#) phải trả, tuy nhiên không chứng minh được khi ký giấy vay tiền ông bà bị ép buộc, không chế hay không đủ tỉnh táo minh mẫn. Tại bản tự khai ông [D](#), bà [H](#) đều thừa nhận sau khi bà [O](#) chốt sổ soạn thảo giấy vay tiền ông bà đều tự ký vào giấy vay tiền đó, ông [D](#) đã trả cho bà [O](#) số tiền 100.000.000đ, nhưng do việc làm ăn của ông không thuận lợi nên ông [D](#) có nói với bà [O](#) “...khi nào có thu nhập sẽ trả dần...”. Như vậy, giữa bà [H](#), ông [D](#) đã xác lập quan hệ pháp luật về vay tài sản, khi xác lập quan hệ này bà [H](#), ông [D](#) và bà [O](#) đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, việc giao kết, xác nhận vay tiền là

hợp pháp nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm bà [H](#), ông [D](#) không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở. Do đó, Tòa án [thành phố L](#) (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6), tỉnh Lào Cai đã buộc ông [Nguyễn Minh D](#) và bà [Trần Thị H2](#) phải có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc 2.390.000.000 đồng và tiền lãi là 1.014.720.000đ, tổng cộng là 3.404.720.000đ cho chị [Phùng Thị O](#) là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông [Nguyễn Minh D](#) và bà [Trần Thị H](#); giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 30-6-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là TAND khu vực 6, tỉnh Lào Cai).

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông [Nguyễn Minh D](#) và bà [Trần Thị H](#) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông [Nguyễn Minh D](#), bà [Trần Thị H](#). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 30-6-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Lào Cai), như sau:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà [Trần Thị H](#) và ông [Nguyễn Minh D](#) phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho bà [Phùng Thị O](#) số tiền nợ gốc là 2.390.000.000đ (Hai tỷ, ba trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi là 1.014.720.000đ (Một tỷ, một trăm linh bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cả gốc và lãi là 3.404.720.000đ (Ba tỷ, bốn trăm linh bốn triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà [Trần Thị H](#) và ông [Nguyễn Minh D](#) phải chịu là 100.094.400 đồng (*Một trăm triệu, không trăm chín mươi bốn nghìn, bốn trăm đồng*); Bà [Phùng Thị O](#) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.047.200 đồng (*Năm mươi triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 63 ngày 20-02-2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (nay là Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Lào Cai).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà [Trần Thị H](#) và ông [Nguyễn Minh D](#) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000324 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Bà [H](#), ông [D](#) đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 TAND tối cao;
- VKSND Tối Cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Thi hành án DS tỉnh Lào Cai.
- Phòng THADS khu vực 6 - Lào Cai
- TAND khu vực 6 - Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Hải Anh

